

## THƠ TRƯƠNG ĐĂNG DUNG HAY LÀ LỜI TỰ BẠCH CỦA “ĐỨA TRẺ BIẾT GIÀ”

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nguyenthiquynhtrang@quangbinh.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/10/2019; ngày hoàn thành phần biên: 4/11/2019; ngày duyệt đăng: 02/12/2019

### TÓM TẮT

Với tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng*, nhà nghiên cứu, dịch giả Trương Đăng Dung trở thành nhà thơ có phong cách độc đáo, giàu suy tư trong nền thơ Việt Nam đương đại. Chọn triết học hiện sinh làm nền tảng lý luận và mục đích biểu hiện, thơ Trương Đăng Dung có những nét riêng trong cách giải bày bản thể. Những bài thơ mang hình thức tự bạch trở thành diễn ngôn của “đứa trẻ biết già”, luôn ưu tư về thân phận, bản khoăn về sự ra đời của chính mình. Với Trương Đăng Dung, tự bạch như một phương cách hữu hiệu trong cuộc tìm kiếm chính mình không chút bình yên. Thơ Trương Đăng Dung vừa đạt đến sự mới mẻ trong phương thức biểu hiện vừa khắc sâu những trạng huống tinh thần phổ quát của con người trong cõi nhân sinh.

**Từ khóa:** đứa trẻ biết già, lời tự bạch, thơ Trương Đăng Dung, triết học hiện sinh.

### 1. MỞ ĐẦU

Năm 2011, tập thơ *Những kỉ niệm tưởng tượng* của Trương Đăng Dung xuất hiện với những hiệu ứng mới lạ trên thi đàn Việt Nam. Độc giả ngỡ ngàng trước một diện mạo khác của nhà nghiên cứu, dịch giả Trương Đăng Dung. Với những cách tân ấn tượng cả về nội dung lẫn hình thức, tập thơ mang đến cho người đọc nhiều khoái cảm thẩm mỹ và đã được Hội nhà văn Hà Nội trao giải thưởng hạng mục thơ. Từ đó, Trương Đăng Dung được biết đến như một nhà thơ đương đại có những đóng góp nhất định trong lĩnh vực thơ ca giai đoạn đầu thế kỉ XXI. Đến năm 2018, tập thơ đã được dịch sang tiếng Hungari, nhà xuất bản Europe đã mang đến cho công chúng một phiên bản song ngữ *Những kỉ niệm tưởng tượng*. Điều đó khẳng định, tập thơ của ông đã có sự vươn tay rất dài, vượt qua những bức tường ngôn ngữ, văn hóa để đến với bạn đọc Hungari và cộng đồng người Việt ở Đông Âu... Rất nhiều yếu tố hội tụ để làm nên sự thành công của tập thơ và nhà thơ Trương Đăng Dung. Cá nhân tôi đặc biệt

*Thơ Trương Đăng Dung hay là lời tự bạch của “đứa trẻ biết già”*

quan tâm đến những bài thơ mang tính tự bạch của tác giả mà tôi gọi là diễn ngôn tự bạch của “đứa trẻ biết già” (tên một tác phẩm của Nguyễn Bình Phương).

## 2. NỘI DUNG

Trương Đăng Dung quan niệm “*thơ ca có thể và cần phải là một hình thức biểu hiện của tư duy triết học*” và “*thơ là sự khám phá và giải bày bản thể một cách tự nguyện*” [2, tr. 468]. Vì vậy, thơ ông chọn triết học hiện sinh làm nền tảng lý luận và cũng là mục đích biểu hiện; đồng thời ông tìm đến thơ “*như một diễn ngôn có khả năng thể hiện một cách phong phú hơn, đa dạng hơn cái tôi luôn bất an trước thế giới*” [2, tr.508]. Chủ nghĩa hiện sinh với những quan niệm của nó về con người, thực sự đã thức chạm những xúc cảm dồn nén của Trương Đăng Dung. Rất nhiều bài thơ mang hình thức tự bạch của ông được ra đời từ sự thôi thúc bên trong của cảm hứng mang sắc màu hiện sinh.

*Tôi có tác phẩm đầu tiên là tiếng khóc chào đời sau chín tháng ngồi im tập xếp hình dấu hỏi.*

*Tôi sinh ra bên một dòng sông, phía trước là cánh đồng, phía sau là biển. Làng tôi nghèo, biển nổi sóng, sóng đẩy gió, gió thổi lên trời cao. Những ngôi sao lung linh hình hạt gạo, gieo giữa trời xa hi vọng của bao đời.*

*Tôi nghe đêm đêm tiếng bước chân người, tiếng trẻ khóc đòi ăn, tiếng mèo kêu ma quái, tiếng mưa rơi da diết gọi bình minh. Bóng những người cha lặng lẽ vô tình, như vết máu đỏ dài trên vách, những người mẹ ôm bụng trào nước mắt, sung sướng lo âu nghe nhịp đập con người.*

*Tôi không nói được chính xác bằng lời về những điều cảm nhận. Ngôn từ như con tắc kè hoa, có đời sống riêng và không ngừng thay đổi.*

*Tôi đi giữa mọi người, bên những hàng cây im lặng, lòng thầm biết ơn thân cây nào rồi đây ngã xuống, xẻ mình ra ôm tôi về cát bụi.*

*Tôi không mang đến điều gì mới lạ, giữa quá khứ và tương lai tôi chỉ là đứa trẻ biết già.*

(Tự bạch) [3, tr.136]

Đây là bài thơ văn xuôi với sự xuất hiện trực tiếp của đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất “*Tôi*” kết hợp với phương thức tự sự và giọng điệu triết lý. Ở đó, Trương Đăng Dung như đang kể/ tình tự về cuộc đời mình. Con người hiện sinh trong thơ Trương Đăng Dung luôn băn khoăn: *Tôi là ai? Tôi từ đâu tới?...* Trong hành trình tìm kiếm lời giải cho những câu hỏi đó, ông nghiệm thấy, ngay từ khi con người bắt đầu được phôi thai đã dự báo một thân phận khổ đau. Theo ông, đứa trẻ khi đang nằm trong bào thai đã mang hình dấu hỏi: “*Tôi có tác phẩm đầu tiên là tiếng khóc chào đời sau chín tháng ngồi im tập xếp hình dấu hỏi*”. Với phát hiện này, Trương Đăng Dung đã khẳng định con người đã hiện sinh ngay từ khi hiện hữu về thân xác trong bụng mẹ.

Các triết gia hiện sinh phân biệt rõ ràng giữa hai khái niệm “hiện sinh” và “sinh tồn”. Bám vào sự sống như rễ cây bám chặt vào đất là sinh tồn chứ chưa phải là hiện sinh. Chủ nghĩa sinh tồn làm cho con người coi sự sống như là của báu duy nhất và như tất cả ý nghĩa của cuộc đời. Trái lại, hiện sinh là vươn lên trên mức sống sinh vật. Hiện sinh là ý nghĩa của đời sống. Người ta chỉ vươn đến hiện sinh khi nào người ta ý thức được mình sống để làm gì, nghĩa là khi con người biết phản tỉnh. Tôi ngay từ 9 tháng trong bụng mẹ đã suy tư về tôi (*ngồi im tập xếp hình dấu hỏi*). Nghĩa là khi tôi hiện hữu về thân xác thì tôi đã hiện sinh. Đây là phát hiện mới mẻ và độc đáo của Trương Đăng Dung. Từ thế nằm của bào thai trong bụng mẹ, ông đã liên tưởng tới hình thù dấu hỏi (?). Một sự liên tưởng bất ngờ và đầy tính sáng tạo, thể hiện sự suy tư của ông về kiếp con người.

Theo *Từ điển Ngữ pháp tiếng Việt, dấu chấm hỏi (?)*, còn gọi là *dấu hỏi chấm/ dấu hỏi*, là một trong các dấu kết thúc câu, dùng để kết thúc một câu hỏi. Tuy là một ký tự La tinh nhưng dấu này được sử dụng trong hầu hết các bộ chữ viết, nhiều chữ viết tượng hình cũng mượn dấu này. Trong nhiều văn bản nghệ thuật, đôi khi dấu chấm hỏi “?” được đặt trong ngoặc đơn (?), hoặc ngoặc vuông [?] để trợ tới một lời giải thích. Vai trò chủ yếu của dấu hỏi (?) là để kết thúc câu có mục đích hỏi. Tuy nhiên, trong những ngữ cảnh khác nhau, mục đích sử dụng khác nhau, hay nói theo cách của Trương Đăng Dung là trong sự “thỏa thuận” ngôn ngữ của người giao tiếp, trong trường liên tưởng của người tiếp nhận, nó được mở rộng biên độ biểu đạt nên có sự đa dạng về sắc thái tình cảm như sự suy tư, trăn trở, hoài nghi, ngạc nhiên... và đôi lúc là sự bất lực của người phát ngôn trước những vấn đề bất khả giải. Có thể khẳng định, hình dấu hỏi trong *Tự bạch* là một kí hiệu thẩm mỹ đa giá trị, đa thông điệp. Quá trình giải mã nó sẽ đọc được những ý nghĩa bất ngờ mà Trương Đăng Dung muốn truyền đạt.

Trong hành trình tìm kiếm bản thể, con người ta luôn trăn trở trước những câu hỏi có thể trả lời hoặc mãi mãi không có câu trả lời. Vì sao ta “*bị sinh ra*”? Vì sao ta sống? Vì sao qua quá trình vất vả để sống thì kết cục là cái chết đợi ta ở cuối con đường? Với Trương Đăng Dung, không phải là “*tôi được sinh ra*” mà là “*tôi bị sinh ra*”: “*Tôi bị sinh ra/ tôi phải dẫn thân/ tôi hội đủ những điều kiện chết/ tôi không hi vọng gì*” (Tự do của Kazantzakis). Như vậy, khởi nguyên con người đã bị tước mất quyền tự quyết. Điều bi đát của con người là ngay cả sự xuất hiện của mình cũng không được chủ động. “*Tôi bị sinh ra*” cũng đồng nghĩa với tôi không mong muốn được sinh ra. Bởi vì, theo Trương Đăng Dung, sống là sự lưu đày, đời thì buồn và kiếp người thì khổ lắm! Từ khi sinh ra “*Tôi nghe đêm đêm tiếng bước chân người, tiếng trẻ khóc đòi ăn, tiếng mèo kêu ma quái, tiếng mưa rơi da diết gọi bình minh. Bóng những người cha lặng lẽ vô tình, như vết máu đỏ dài trên vách, những người mẹ ôm bụng trào nước mắt, sung sướng lo âu nghe nhịp đập con người*” (Tự bạch). Và sau một quá trình sống, xót xa nghiệm thấy: “*Tôi không mang đến điều gì mới lạ, giữa quá khứ và tương lai tôi chỉ là đứa trẻ biết già*” [3, tr.136].

Thơ Trương Đăng Dung hay là lời tự bạch của “đứa trẻ biết già”

“Đứa trẻ biết già” là một phát hiện nghệ thuật đầy ám ảnh! Nó là cái phi lý của sinh học nhưng là cái hợp lý của hiện sinh. Đứa trẻ vừa chào đời nhưng đã sớm suy tư về sự tồn tại của mình, về phận người (*ngồi im tập xếp hình dấu hỏi*). Và ngay từ những ngày đầu tiên trên cõi nhân sinh phi lý, nó đã chứng kiến những nỗi buồn của loài người (*tiếng trẻ khóc đòi ăn, tiếng mèo kêu ma quái, tiếng mưa rơi da diết...*). Chưa hề trải nghiệm cuộc đời nhưng đã dự trù cho những trải nghiệm. Mà tất cả những biểu hiện ấy đâu phải dành cho những đứa trẻ. Thế nên, nó đã “già” ngay từ khi còn là đứa trẻ.

“Đứa trẻ biết già” cũng là sự cảm nhận thời gian khắc nghiệt của Trương Đăng Dung. Tuổi già là thì tương lai của đứa trẻ, là một tương lai không được đón đợi nhưng lại bất khả kháng trong hành trình sống của con người. Đặc biệt là đối với con người hiện sinh, những người luôn nhìn thấy tuổi già khi mình còn trẻ, luôn ám ảnh về cái chết ngay khi mình đang sống. Bởi họ thấy thời gian trôi quá nhanh. Đó là cội nguồn của nỗi bất an, sợ hãi cũng là lý do để họ cố gắng quýt với hiện tại ngăn ngui của mình, để yêu sự sống bằng một tình yêu âu lo. “Đứa trẻ biết già” là một phát hiện của Trương Đăng Dung làm phong phú thêm phạm trù *Phi lý* của chủ nghĩa hiện sinh.

Ngoài bài thơ *Tự bạch*, còn có một số tác phẩm khác cũng thể hiện lời giải bày về bản thể với tinh thần hiện sinh thấm đẫm như *Những kỉ niệm tưởng tượng*, *Ghi chép hè 2009*, *Chúa đã ra đi...* Macxim Gorki đã viết: “*Cao cả thay các chức vị làm người trên trái đất - được thấy bao nhiêu điều kì diệu, trái tim được rung động một cách ngọt ngào mãnh liệt biết bao nhiêu trong khi nín lặng chiêm ngưỡng cái đẹp tuyệt vời!*” (Một con người ra đời). Và nhà văn vĩ đại của nước Nga đã xúc động diễn tả niềm hạnh phúc vô bờ của người mẹ sau bao đau đớn để sinh con: “... *thình thoảng người mẹ lại dừng bước thở một hơi rõ dài, hất mái đầu lên ngoảnh nhìn xung quanh, nhìn biển, nhìn rừng, nhìn núi, rồi lại nhìn mặt đứa con trai. Nước mắt đau thương đã rửa sạch mắt chị, và giờ đây, đôi mắt ấy lại trong trẻo và sáng bừng lên với ngọn lửa biếc của tình thương không bao giờ cạn. Có một lần dừng lại như thế, chị nói: - Lay Chúa tôi, Chúa ơi! Sung sướng quá, thích quá đi mất! Ước gì cứ thế này mà đi, đi mãi cho đến cùng đường cuối đất, và thằng con tôi cứ thế lớn lên, nép vào lòng mẹ mà lớn lên mãi trong cảnh tự do, con yêu của tôi*” (Một con người ra đời) [9]. Còn trong thơ Trương Đăng Dung, lại là một cảm giác hoàn toàn trái ngược. Thay vì hân hoan đón chào sự có mặt của con người lại là nỗi khổ đau, nỗi buồn mênh mang sâu thẳm: “*Sáng nay em gái tôi đột ngột ra đời/ khi nhìn thấy tôi mẹ tôi cười đau khổ/ mẹ ơi mẹ sinh em đâu phải là tội lỗi/ em tôi nằm mặt cau có đây hẳn/ giữa ngày sinh của chúng ta lần thứ một ngàn*” (Những kỉ niệm tưởng tượng).

Đó là cảm giác ngỡ ngàng đến đau xót của con người “*bị sinh ra*”. Tại sao mẹ sinh em ra ở cuộc đời này? Tại sao em phải sống cuộc sống này? Người đàn bà sau chín tháng nặng nhọc mang thai, những tưởng nở nụ cười hân hoan khi con cất tiếng khóc chào đời nhưng khi nhìn thấy tôi “*mẹ tôi cười đau khổ*”. Bởi mẹ hiểu, từ đây con bắt đầu một kiếp lưu đày, tự mình gánh gồng bao nặng nhọc của kiếp con người; mẹ cảm thấy có lỗi vì đã sinh con ra trong kiếp làm người.

Ngay từ đầu thế kỉ XX, Chế Lan Viên, tác giả của *Điều tàn cũng đã cho rằng* “*Chúng ta ở trên đời không phải lộc ra hoa mà còn để mang thương tích*”. Các nhà hiện sinh thì quan niệm “*Làm người khổ lắm!*”. Bởi vì, từ khi con người sinh ra vốn đã bị bỏ rơi. Phải tự chịu trách nhiệm về mình, không ai gánh vác, lựa chọn định mệnh cho mình, không ai sống thay, làm thay cho mình. Vì vậy, con người lúc nào cũng cảm thấy cô đơn (cô đơn bản thể), luôn cảm thấy bất an, luôn trăn trở về tương lai: “*Tôi lớn lên ngo ngác cõi người/ tình thương, thù hận, buồn, vui/ hun hút đường xa cát bụi/ người đi không biết về đâu*” (Chúa đã ra đi) [2, tr.65].

Xưa nay, thơ vẫn được xem là loại hình mang tính chủ quan, độc thoại (M. Bakhtin). Lời thơ là lời quyền uy của tác giả. Cái tôi trữ tình phát ngôn, bày tỏ thái độ, tình cảm, giọng điệu của mình trong thơ với tính chất đại diện cho chủ thể sáng tạo. Dĩ nhiên, cái tôi trữ tình không hoàn toàn đồng nhất, trùng khít với tác giả. Cái tôi của Trương Đăng Dung là cái tôi bản thể, tức là cái tôi đại diện của chủ thể tính trong không gian đương đại. Cái tôi đó đang ưu tư về thân phận, băn khoăn triết lý về sự ra đời của chính mình - một chủ thể người. *Tự bạch* của Trương Đăng Dung như lời trần tình của nhà thơ trước cuộc đời về thân phận. Và điều đáng nói là, đó đều là những lời tự bạch thắm đẫm sắc thái hiện sinh. Con người hiện sinh không quan tâm đến quá khứ, chỉ quan tâm đến hiện tại. Người hiện sinh chủ trương cắt đứt với quá khứ, chặn đứng nẻo đường tương lai, chỉ chú trọng cái thực tại hiện tồn. Sartre quan niệm chỉ có thực tại mới đáng kể còn thì những mơ màng, những sự chờ đợi, những niềm hi vọng cho phép ta định nghĩa con người như một giấc mộng tàn tạ, như một hi vọng bất thành, một sự chờ đợi luống công. Marcel là người chống lại khách thể tính, chống lại mọi hình thức cứng đờng. Ông lay tỉnh con người để họ đừng triền miên trong tình trạng phóng thể về dĩ vãng của họ. Con người hiện sinh phải luôn tiến về phía trước. Trương Đăng Dung ảnh hưởng một phần quan niệm ấy của chủ nghĩa hiện sinh khi tự bạch rằng: *tôi không còn kí ức*.

Bài thơ *Ghi chép hè 2009* ra đời trong cảm hứng “chấn thương” của chính tác giả. Sau sáu năm du học, tháng 9 năm 1978, tác giả trở về tổ quốc, lòng rung rung vì được sống trên cảnh quê hương, những tưởng mình sẽ hạnh phúc khi được gặp lại những con người thân thuộc. Nhưng rồi, trong giây phút hằng mong đợi ấy, khi gặp lại những người mẹ của các bạn thời học sinh của mình, khi họ ôm lấy mình khóc và hỏi: “*Cháu ở đây nhưng thằng Đức của Bác đâu rồi?*” thì tác giả cảm thấy nghẹn ngào, chua xót. Trong khoảnh khắc ấy, tác giả cảm thấy mình như lạc lõng bơ vơ trong niềm vui sum họp. Mọi thứ như đã mất. Bão tố chiến tranh đã cướp đi những hình ảnh kỷ niệm về một thời đã qua: “*bạn bè, cây gạo đầu làng, kí ức tuổi thơ*”... Lòng như tan hoang: “*Hơn nửa thế kỉ đi lại trên mặt đất này /tôi không còn nhiều bạn/ cây gạo đầu làng cũng bị chặt mất rồi*” (Ghi chép hè 2009) [2, tr.162].

Cũng suy nghĩ đó, trong *Tinh thần Kafka*, ông đối thoại với thần tượng của mình:

Thơ Trương Đăng Dung hay là lời tự bạch của “đứa trẻ biết già”

- Con quyết định đến ngôi chùa gần nhất
- Biết nó ở đâu?
- Nhìn ngọn đu con thấy nó rất gần.
- Cây đu không còn mãi.
- Con còn kí ức.
- Kí ức cũng tàn phai. Kí ức đổi thay khác màu cỏ tự thay trên các nấm mồ [3, tr.120].

Trương Đăng Dung đã tạo dáng cho thơ hình thức mới mẻ. Cảm xúc của chủ thể trữ tình được bộc lộ qua cuộc đối thoại mang tính tranh luận. Người này nói, người kia phủ nhận. Những lời thoại giàu chất suy tưởng triết lý mà thực chất là sự phân tách của chủ thể trữ tình để tự soi chiếu thể hiện sự chiêm nghiệm của nhân vật trữ tình về chính mình. “Tôi không còn kí ức”, lời tự bạch này của Trương Đăng Dung một mặt nói lên cảm thức lạc lõng của con người trước thời gian, mặt khác, nó là cách thức để tác giả thể hiện sự “đối kháng” với cái quá khứ “buồn nôn” của mình. Có quá nhiều niềm đau không muốn nhớ. Vì mỗi lần “ăn mày dĩ vãng” là một lần “xin” được ở dĩ vãng không gì ngoài sự khổ đau, và nỗi xót xa một thời. Trong nhiều trường hợp, kí ức và kỉ niệm nhiều lúc lại là điểm tựa, là nơi nương náu cuối cùng của những tâm hồn không tìm được sự bình yên trong cuộc đời. Giữa dòng đời đầy mưu toan và ngò vực, nhiều lúc ta tự hỏi mình, hiện tại và quá khứ, cái gì nâng đỡ, ôm ấp ta nhiều hơn? Có lẽ không chỉ là hiện tại. Vậy mà, với Trương Đăng Dung, ngay cả kí ức, cả những kỉ niệm tuổi thơ cũng bị đánh mất, khiến con người chìm sâu vào bi kịch cô đơn. Nhà thơ hoang mang vì đánh mất kí ức, đánh mất tuổi thơ. Proust đã viết: “Những thiên đường thật là những thiên đường đã mất”. Tư tưởng này gợi cảm hứng cho Trương Đăng Dung trong hành trình soi nghiệm bản thân và tìm được sự gặp gỡ của những cái tôi “không còn kí ức”.

Thực chất, Trương Đăng Dung hiện sinh từ tâm thức, nên luôn ráo riết với hiện tại. Nhưng thỉnh thoảng, ông lại ngược dòng: “Có một thời/đến bữa cơm mẹ ngồi đợi vết nôi/ rặng mẹ rụng lúc nào không biết nữa/ Có một thời/ trẻ con sợ búp bê và không thích sữa” (Có một thời). Theo Hoàng Thụy Anh, “Thời gian trong tập *Những kỉ niệm tưởng tượng* được phóng chiếu tự do, không theo chiều véc-tơ” [2, tr.187]. Thời gian gắn với nỗi xót xa khi “rặng mẹ rụng lúc nào không biết nữa”. Đời sống quanh quẩn, tầm thường bế tắc (Có một thời/ hạt bụi cũng quẩn quanh), người ta ngày càng vô cảm, sống mỗi mòn (nghe hát dân ca mà lòng mệt mỏi, nghe lá vàng rơi lòng ta không xào xạc, đứng trước tổ chim lòng ta đầy mưu toan độc ác). Con người tự cật vấn lương tâm nhói buốt: “Có một thời/ có một thời/ ta đã sống thật sao?”. Câu hỏi tu từ vang lên thẳng thốt, xót xa. Dường như, chủ thể trữ tình không tin rằng mình đã trải qua một thời như thế, không tin được mình và mọi người đã từng sống một cuộc sống như thế. Không thể tin vì nó quá khó tin hay vì không muốn tin? Có lẽ cả hai! Con người trở nên lạc lõng trong chính một phần đã

qua, đã có trong cuộc đời mình; lạc lõng với với chính mình. Cho nên, con người như không có quá khứ, nói đúng hơn là muốn chối từ quá khứ. Vì vậy, trong thơ, Trương Đăng Dung trộn những khoảng thời gian quá khứ - hiện tại vào nhau. Đôi lúc, người thơ không nhớ chính xác những điều đã cảm nhận “*Tôi không nói được chính xác bằng lời về những điều cảm nhận*” (Tự bạch).

Trong bài thơ *Có một thời* xuất hiện nghịch lý từ cách diễn đạt. “*Có một thời*” là sự mơ hồ không rõ ràng về mốc thời gian (vì nó là thì quá khứ nên có độ nhòe nhất định). Nhưng sau điệp khúc đó lại là sự liệt kê, gọi tên cụ thể rõ ràng kỉ niệm:

*Có một thời*

*anh đi bên tôi mà sao cách trở.*

*Có một thời*

*đi về đâu mà ai cũng vội.*

...

*Có một thời*

*em rực rỡ mà hồn tôi sa mạc [2, tr.56].*

Điệp khúc “*có một thời*” lách đi lách lại trong bài thơ như nhấn mạnh độ bền lâu, khắc sâu của kí ức, như bằng chứng rành rành về quá khứ. Sau cái mơ hồ là cái cụ thể, sau cái Hư vô là cái Hiện hữu. Đó là một “*nghịch lý*” có mặt mã.

Các nhà hiện sinh cho rằng, quá khứ là lực cản trên hành trình sống của con người. Họ luôn tự nhắc nhở, hiện tại là khung thời gian duy nhất ta thực sự được “*ăn ở*”, vì vậy ta nên nỗ lực ở với nó một cách thân mật, nồng nhiệt, cũng như tránh phán xét những gì xảy ra trong quá khứ. Con người hiện sinh phải đoạn tuyệt với quá khứ để tiến lên. Nhưng với Trương Đăng Dung, văn hóa Việt, văn hóa tri ân nguồn cội vẫn đậm từ tâm thức. Chảy trong huyết quản của ông vẫn là dòng máu nồng ấm của “*con Rồng cháu Tiên*” nên thái độ sống ấy hiện sinh theo kiểu dạng khác biệt. “*Tôi không còn kí ức*” không phải là sự đoạn tuyệt với quá khứ mà chỉ là một cách nói ngược, một cách nói có hàm ý. Vì con người ấy vẫn luôn có những cái ngoài đầu tha thiết: “*Có thể em quên rằng anh đã gặp em/ hai mươi ba ngàn năm về trước/ ở một bến sông/ Có thể em đã quên cánh buồm nâu ngày ấy/ trôi giữa trời xanh không biết đến bao giờ*” [2, tr.27]. “*Tôi không còn kí ức*” không phải vì tôi đã lãng quên. Quy luật tâm lý là niềm vui có thể qua nhanh nhưng nỗi buồn, niềm đau thì đọng mãi. Với một Trương Đăng Dung có quá nhiều niềm đau, nhiều “*chấn thương*” thì có muốn quên thì cũng không dễ dàng quên được, dù có cố tình ngoảnh mặt thì vẫn là “*Cái quá khứ không đem mà ăn được/ nhưng con người đâu dễ nguôi quên*” (Lê Quang Trang). Con người ấy vẫn nặng nợ với một thời đã qua trong cuộc đời mình. Thế nên, một mặt tác giả tự bạch “*tôi không còn kí ức*” nhưng mặt khác vẫn nhắc nhở lòng mình “*Em đừng ngoảnh lại/ cứ để những chuyến tàu chạy ngược*

*Thơ Trương Đăng Dung hay là lời tự bạch của “đứa trẻ biết già”*

*chiêu kí ức/ không bao giờ vào ga” (Thành phố phía chân trời ). Tận sâu đáy lòng, vẫn muốn “em là quá khứ để anh sống bình yên trong hiện tại” (Tin nhắn cho em), vẫn thú nhận “Kỷ niệm cứu rỗi chúng ta, nó lưu giữ thứ ánh sáng làm cho gương mặt ta mãi mãi là gương mặt con người” (Tin nhắn cho em). Một con người luôn sống trong tư thế để ý nghĩ chạy theo những chuyến tàu thời gian trong đêm vắng “Tôi thức với trái tim/ những ý nghĩ lang thang trong lòng ngược” (Đêm ở Roma) thì không lý gì “không còn kí ức” [2, tr.71].*

*“Lùi lại để hiểu, tiến lên để sống!”* - câu nói của S.Kiergaard, một trong những triết gia tiên phong của thuyết hiện sinh thật đúng với Trương Đăng Dung. Nhìn lại quá khứ để hiểu giá trị của hiện tại, để thức nhận về bản thân, cũng là bước chuẩn bị để quảng thân về phía trước. Hôm qua là nền tảng của hôm nay.

*“Tôi không còn kí ức”,* lời tự bạch mang đậm sắc thái hiện sinh ấy hé lộ cho ta biết một đời sống tinh thần hiện tại không mấy bình yên của nhà thơ. Sáng tác thơ đối với Trương Đăng Dung không gì khác ngoài việc tìm kiếm cái tôi bản thể, tìm kiếm chính mình. Đây cũng chính là nhu cầu tự thân trong hành trình sáng tạo của những nhà văn, nhà thơ chân chính. Tất cả đều có nhu cầu khám phá, khẳng định cái *Tôi bản thể* bởi họ hiểu rằng, *“kẻ đã trót dấn thân vào trò chơi sáng tạo sẽ là kẻ tự hành xác mình đến cùng trong một cuộc tìm kiếm chẳng chút bình yên”* (Nhạc sĩ Phú Quang). Trương Đăng Dung cũng như vậy.

### 3. KẾT LUẬN

Chủ nghĩa hiện sinh có tác động lớn đến sáng tác của Trương Đăng Dung, giúp nhà thơ nhìn lại mình, phản tư trên hành trình tìm kiếm bản thể. Nói như nhà phê bình Đỗ Lai Thúy, Trương Đăng Dung làm thơ *“là một cách để cái tôi lý tưởng trong anh được trình hiện”* [8]. Sau hơn nửa thế kỉ *“đi lại trên mặt đất này”,* Trương Đăng Dung nhận ra mình cần đến thơ như một diễn ngôn *“có khả năng thể hiện được một cách phong phú hơn, đa diện hơn cái tôi luôn bất an trước thế giới”* [2, tr.508 ]. Sự va chạm với chủ nghĩa hiện sinh đã tạo ra những hiệu ứng tích cực trong quá trình nghệ thuật của ông. Giữa *“vùng ánh sáng động đậy”* của thứ triết học nhân bản ấy, Trương Đăng Dung đã bắt đầu đến với thơ. Tự bạch được lựa chọn như một phương cách hữu hiệu trong cuộc tìm kiếm chính mình không chút bình yên của chính tác giả. Với hình thức này, thơ Trương Đăng Dung vừa đạt đến sự mới mẻ trong phương thức biểu hiện vừa khắc sâu những trạng huống tinh thần phổ quát của con người trong cõi nhân sinh.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Trương Đăng Dung (2011), *Những kỉ niệm tưởng tượng*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2]. Trương Đăng Dung (2011), *Những kỉ niệm tưởng tượng - Tác phẩm và dư luận*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3]. Trương Đăng Dung (2018), *Những kỉ niệm tưởng tượng*, tập thơ song ngữ, Nxb Hunggari.
- [4]. Trương Đăng Dung (2017), “Cô đơn, khát vọng & khoảnh khắc trong thơ hiện đại”, *Tạp chí Thơ*, số 5&6, Hội nhà văn Việt Nam, Hà Nội.
- [5]. Trương Đăng Dung (2019), “Cô đơn, khát vọng & khoảnh khắc trong thơ hiện đại”, *Tạp chí Thơ*, số 1&2, Hội nhà văn Việt Nam, Hà Nội.
- [6]. Trần Thái Đình (2005), *Triết học hiện sinh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [7]. Jean- Paul Satre (2018), *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (Đình Hồng Phúc dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [8]. Đỗ Lai Thúy, “Trương Đăng Dung...như một thi sĩ”, [http://www.vanhoanghean.com.vn/dat-va-nguoi-xu-nghe6/nguoi-xu-nghe43/truong-dang-dung-nhu-mot-thi-si#\\_6/8/2018](http://www.vanhoanghean.com.vn/dat-va-nguoi-xu-nghe6/nguoi-xu-nghe43/truong-dang-dung-nhu-mot-thi-si#_6/8/2018)
- [9]. Macxim Gorki, *Một con người ra đời*, [http://kenhtruyen.com/news/mot\\_con\\_nguoi\\_ra\\_doi/2016-08-03-6996](http://kenhtruyen.com/news/mot_con_nguoi_ra_doi/2016-08-03-6996)

*Thơ Trương Đăng Dung hay là lời tự bạch của “đứa trẻ biết già”*

**POETRY OF TRUONG DANG DUNG  
OR SELF-EXPRESSION OF “ĐỨA TRẺ BIẾT GIÀ”**

**Nguyen Thi Quynh Trang**

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: nguyenthiquynhtrang@quangbinh.edu.vn

**ABSTRACT**

With the collection of *Những kỉ niệm tưởng tượng*, the researcher as well as the translator Trương Đăng Dung who is a contemporary poet has the original style in Vietnamese poetry. With the existential philosophy as the theoretical basis and the purpose of expression, Trương Đăng Dung's poetry has its own characteristics in the way of expressing the essence. The poems in the form of self-expression become the discourse of “đứa trẻ biết già”, always concerning about his identity, wondering about the birth of himself. For Trương Đăng Dung, self-expression is an effective way in the search for oneself without any peace. Trương Đăng Dung's poetry reaches the novelty of the form, while inculcating the universal spiritual situations of the human being in the human realm.

**Keywords:** “đứa trẻ biết già”, self-expression, poetry of Trương Đăng Dung, existential philosophy.



**Nguyễn Thị Quỳnh Trang** sinh ngày 01/11/1977 tại Quảng Bình. Bà tốt nghiệp Cử nhân Sư phạm Ngữ văn năm 1999 và tốt nghiệp Thạc sĩ Lí luận văn học năm 2019. Từ 1999 đến nay, bà là giáo viên Trường THPT Lê Thủy, Quảng Bình.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lí luận văn học.